

Bản án số: 84/2020/HS-ST
Ngày 20/11/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan – Giáo viên nghỉ hưu.
2. Bà Lê Thị Thanh Hương - Ủy viên Ban chấp hành Liên đoàn lao động huyện Gia Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 85/2020/TLST-HS ngày 27/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 84/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn T, sinh ngày 05/10/2002 tại xã AS, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn x, xã AS, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T2, sinh năm 1966 và bà Đào Thị H2, sinh năm 1968; Tiền án: không; Tiền sự: Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng số 99 ngày 15/6/2018 Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đối với T thời gian là 18 tháng, ngày 28/12/2019 T đã chấp hành xong quyết định, chưa được xóa; Nhân thân: Ngày 20/11/2017 Chủ tịch UBND xã An Sơn, huyện Thủy Nguyên ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã đối với T, ngày 28/3/2018 Chủ tịch UBND xã An Sơn, huyện Thủy Nguyên ra Quyết định số 05 xử phạt vi phạm hành chính hình thức Cảnh cáo đối với T; Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 20 ngày 15/10/2020 của Cơ quan CSĐT- Công an huyện Gia Lộc từ ngày 18/10/2020 đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Văn H, sinh ngày 08/8/2003 tại xã HD, huyện GL, tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn PL, xã HD, huyện GL, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1977; Tiền án, tiền sự: không; Hiện bị cáo

đang được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 26 ngày 15/10/2020 của cơ quan CSĐT Công an huyện Gia Lộc. Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo H: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1977; trú tại: Thôn PL, xã HD, huyện GL, tỉnh Hải Dương (là mẹ đẻ bị cáo H). Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo H: Bà Nguyễn Thị S, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước - Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bị hại: Ủy ban nhân dân xã HD, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HD, huyện GL, tỉnh Hải Dương- Ông Nguyễn Đức D.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1958- Trưởng thôn PL, xã HD, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương; Trú tại: Thôn PL, xã HD, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đào Thị H2, sinh năm 1968; trú tại: Thôn x, xã AS, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Bà Phạm Thị K, sinh năm 1966; trú tại: Thôn ĐĐ, xã TK, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Anh Nguyễn Bá L, sinh năm 2002; trú tại: Thôn ĐĐ, xã TK, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Văn T, Nguyễn Văn H và Nguyễn Bá L sinh ngày 24/01/2002 trú tại: thôn ĐĐ, xã TK, huyện GL, tỉnh Hải Dương có quan hệ bạn bè. Tối ngày 04/10/2020, T và H đến nhà L chơi. Do muốn có tiền chi tiêu nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản ở đình, miếu, nên có hỏi H là: “xem có đình, miếu nào không để đi trộm cắp tài sản lấy tiền”. Thấy T hỏi vậy H trả lời: “không biết”. Lúc này L đã đi ngủ không biết việc T rủ H đi trộm cắp tài sản. Đến khoảng 01 giờ ngày 05/10/2020, L đang ngủ trong buồng, còn T và H vẫn ngồi chơi ở phòng khách. T lại tiếp tục hỏi H xem có đình, miếu nào không để đi trộm cắp lấy tiền chi tiêu. H bảo có biết miếu PL, xã HD, huyện GL, tỉnh Hải Dương ở gần nhà mình. T hỏi H: ở miếu PL có hòm công đức không? H trả lời: có. T bảo H ra cổng chờ, để T hỏi mượn xe máy của L rồi ra sau. T đi vào trong buồng nhà L gọi L dậy và hỏi mượn xe máy của L. Khi thấy T hỏi mượn xe máy của mình thì L hỏi: “đi đâu mượn thế”. T bảo với L: “cho mượn xe đi ra kia một tí”. Do là bạn bè nên L đồng ý cho T mượn chiếc xe máy nhãn hiệu Honda-Wave, màu trắng - đen, biển số 34B3-147.03 thuộc sở hữu của bà Phạm Thị K - sinh năm 1966 (là mẹ đẻ L). Sau khi mượn được xe máy của L, T lấy con dao dũa dài khoảng 40 - 45 cm

tại bộ gần cửa sổ nhà L rồi nổ máy xe đi ra chỗ H đang đứng chờ. H điều khiển xe máy chở theo T cầm dao ngồi sau đi từ nhà L vào đường ngõ hướng ra cánh đồng thôn PL để đến miếu PL, xã HD. Khi đến miếu PL, H điều khiển xe đi qua cửa miếu để quan sát xem có người trông coi không. Khi đi qua miếu được một đoạn, thấy không có người trông coi H quay xe lại đi đến đoạn đường bê tông sát với sân miếu thì dừng xe. H và T xuống xe đi vào trong sân miếu. H đứng ở sân miếu, gần bậc hè của miếu để canh giới. T đi vào trong miếu. Lúc này trong miếu có thắp điện thờ, T quan sát thấy chiếc hòm công đức làm bằng khung nhôm, ốp nhựa xung quanh, màu nâu, hình hộp chữ nhật có kích thước (0,5x0,42x0,62)m được gắn cố định tại tường phía bên tay phải từ phía ngoài nhìn vào của miếu. T tiến tới chỗ hòm công đức dùng dao chọc vào khe nút tiền ở mặt trên của hòm công đức rồi xé rách tấm nhựa về hai phía ở mặt trên của hòm công đức. Sau đó, T dùng dao bẩy tung một nửa phía ngoài tấm nhựa ở mặt trên hòm công đức ra. T đặt con dao lên trên mặt ban thờ trong miếu rồi thò tay vào trong hòm công đức lấy hết số tiền bên trong cho vào phía trong áo mình đang mặc. T cầm con dao và đi ra chỗ H. Cả hai ra xe, H nổ máy xe chở T tẩu thoát. Trên đường về nhà L, T đã vứt con dao dọc đường, hiện không xác định được vị trí vứt nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Khoảng 02 giờ 00 ngày 05/10/2020, T và H về đến nhà L. Lúc này L đang ngủ. T và H bỏ tiền vừa trộm cắp được ở miếu PL ra giường đếm. Tiền có nhiều loại mệnh giá khác nhau, gồm có các loại tiền mệnh giá: 100.000đ, 50.000đ, 20.000đ, 10.000đ, 5.000đ và 2.000đ. Tổng số tiền mà T và H trộm cắp được là 2.400.000đ. T đưa cho H số tiền là 400.000đ, còn giữ lại 2.000.000đ. Đến sáng ngày 05/10/2010, khi ngủ dậy T đưa thêm cho H số tiền là 200.000đ. T gặp L trả xe và đưa cho L số tiền 150.000đ. Khi đưa tiền T không nói cho L biết về nguồn gốc tiền do trộm cắp mà có. L cũng không hỏi về số tiền này. Số tiền trộm cắp trên T và H đã chi tiêu cá nhân hết. Sau khi sự việc xảy ra ngày 12/10/2020 ông Nguyễn Văn Đ - Trưởng thôn PL xã HD (là người quản lý miếu của thôn PL) có đơn trình báo gửi Công an huyện Gia Lộc.

Ngày 15/10/2020 cơ quan điều tra Công an huyện Gia Lộc đã trả lại bà Phạm Thị K 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda- Wave, màu trắng- đen biển số: 34B3- 147.03 kèm đăng kí và trả lại cho cho ông Nguyễn Văn Đ là người quản lý miếu của thôn PL 01 hòm công đức có đặc điểm làm bằng khung nhôm, ốp nhựa xung quanh, màu nâu, hình hộp chữ nhật có kích thước (0,5x0,42x0,62)m. Bà Khuy, ông Đ đã nhận lại số tài sản trên và không có đề nghị gì.

Đối với số tiền 2.400.000đồng mà bị can T và H trộm cắp tại miếu thôn PL. Ngày 17/10/2020 bà Đỗ Thị H2 là mẹ đẻ của T đã tự nguyện bồi thường số tiền là 1.650.000đồng và bà Nguyễn Thị H1 là mẹ đẻ của H đã tự nguyện bồi thường số tiền 600.000 đồng và ngày 18/10/2020 Nguyễn Bá L đã tự nguyện nộp lại số tiền 150.000đồng cho ông Nguyễn Văn Đ. Ông Đ đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì về dân sự.

Tại Cáo trạng số 84/CT-VKS ngày 27/10/2020 Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đã truy tố Vũ Văn T và Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (viết tắt: BLHS).

Tại phiên tòa:

Đại diện VKSND huyện Gia Lộc giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm o khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 BLHS; Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Vũ Văn T.

Căn cứ Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 96 BLHS; Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Đề nghị tuyên bố: Các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ 08 tháng đến 10 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/10/2020.

Áp dụng biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với bị cáo Nguyễn Văn H từ 12 tháng đến 15 tháng. Thời hạn tính từ ngày bị cáo được đưa đi trường giáo dưỡng.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: không giải quyết.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H- Bà Nguyễn Thị S trình bày: Nhất trí với luận tội của đại diện VKS nhân dân huyện Gia Lộc. Trong vụ án bị cáo H giữ vai trò đồng phạm thứ hai. Bị cáo phạm tội là do bạn bè rủ rê lôi kéo. Bị cáo khi phạm tội và đến khi xét xử chưa thành niên. Đề nghị áp dụng Điều 90, Điều 91, Điều 96 Bộ luật hình sự áp dụng biện pháp tư pháp đưa bị cáo H vào trường giáo dưỡng.

Đại diện hợp pháp của bị cáo H- chị Nguyễn Thị H1 nhất trí với luận tội của đại diện VKS nhân dân huyện Gia Lộc. Do khi bị cáo phạm tội và đến khi xét xử chưa thành niên nên chị đề nghị HĐXX áp dụng biện pháp tư pháp đưa bị cáo H vào trường giáo dưỡng. Chị xác nhận đã thay bị cáo H bồi thường số tiền 600.000đ cho bị hại. Chị không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả cho chị số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Đào Thị H2 xác nhận đã thay bị cáo T bồi thường số tiền 1.650.000đồng cho bị hại, đồng thời không yêu cầu bị cáo T phải hoàn trả số tiền trên cho bà.

Các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gia Lộc, Điều tra viên, VKSND huyện Gia Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 01 giờ 20 phút đến 01 giờ 50 phút ngày 05/10/2020 tại miếu thờ thôn PL, xã HD, huyện GL tỉnh Hải Dương, lợi dụng sơ hở trong miếu không có người trông coi Vũ Văn T và Nguyễn Văn H đã có hành vi lén lút dùng dao cạy hòm công đức trong miếu trộm cắp số tiền là 2.400.000đồng (*hai triệu bốn trăm nghìn đồng*).

[3] Các bị cáo đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự nhưng do cần tiền để tiêu xài, lại lười lao động nên bị cáo vẫn cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, giá trị tài sản chiếm đoạt là 2.400.000đ, nên hành vi của các bị cáo T, H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an trong xã hội, gây tâm lý bất an trong nhân dân.

[5] Đây là vụ án đồng phạm nên cần phân tích đánh giá vai trò của từng bị cáo để cá thể hóa hình phạt: Trong vụ án này, bị cáo Vũ Văn T là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Nguyễn Văn H đi trộm cắp tài sản, là người chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội và là người thực hành tích cực nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo H chở T đến miếu PL, tham gia cảnh giới nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[6] Về nhân thân, tiền án, tiền sự, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy: Bị cáo T có nhân thân xấu và có một tiền sự chưa được xóa. Bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê bị cáo H đi trộm cắp tài sản nên bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng "Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội" quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo đã tác động đến gia đình để tự nguyện bồi thường cho bị hại và thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

[7] Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, tiền án, tiền sự của bị cáo, HĐXX thấy: Bị cáo Vũ Văn T tham gia đồng phạm thực hành tích cực giữ vai trò thứ nhất, bản thân có tiền sự, có nhân thân xấu, nên cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Bị cáo Nguyễn Văn H tham gia đồng phạm giữ vai trò thứ hai, đến khi xét xử bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại Điều 91 BLHS năm 2015 về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thì Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa. Theo xác minh tại địa phương và trường THCS xã HD, huyện Gia Lộc, xác định H có học lực yếu nên đã bỏ học vào kỳ 1 năm học lớp 8 (năm học 2016-2017); là đối tượng nghịch ngợm tại địa phương, thường tụ tập chơi bời với các thanh niên hư hỏng tại các điểm game online, internet. Gia đình và địa phương đã thường xuyên giáo dục nhưng bị cáo không có sự tiến bộ, gia đình và địa phương không quản lý được. Đến khi xét xử bị cáo mới 17 năm 03 tháng 12 ngày tuổi nên cần căn cứ Điều 90, Điều 91, Điều 96 BLHS năm 2015, áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng đối với bị cáo H, nhằm đưa bị cáo vào một tổ chức giáo dục có kỷ luật chặt chẽ để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T không có nghề nghiệp, thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo H dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 2.400.000đồng mà bị cáo T và H trộm cắp tại miếu thôn PL. Ngày 17/10/2020 bà Đỗ Thị H2 là mẹ đẻ của T đã tự nguyện bồi thường 1.650.000đồng, bà Nguyễn Thị H1 là mẹ đẻ của H đã tự nguyện bồi thường 600.000 đồng và ngày 18/10/2020 Nguyễn Bá L đã tự nguyện nộp lại 150.000đồng cho ông Nguyễn Văn Đ. Ông Đ đã nhận đủ số tiền trên và

không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Bà H2 và bà H1 tự nguyện cho các bị cáo số tiền đã bồi thường cho ông Đ nên không đặt ra vấn đề xử lý.

[10] Về vật chứng: Đối với chiếc xe máy Dream nhãn hiệu nhãn hiệu Honda- Wave biển số: 34B3- 147.03 là tài sản hợp pháp của bà Phạm Thị K. Bà K để cho Nguyễn Bá L sử dụng. Tuy nhiên anh L, bà K không biết T, H sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên ngày 15/10/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Gia Lộc đã trả lại bà K chiếc xe máy trên là phù hợp.

Đối với con dao mà bị cáo T đã lấy ở nhà anh Nguyễn Bá L sử dụng làm công cụ để thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội T đã vứt con dao ở dọc đường, Cơ quan điều tra không thu giữ được. Anh L không biết T lấy con dao để sử dụng vào việc phạm tội. Anh L và bà K không yêu cầu gì về con dao này nên HĐXX không xem xét.

Đối với hòm công đức có đặc điểm làm bằng khung nhôm, ốp nhựa xung quanh, màu nâu, hình hộp chữ nhật có kích thước (0,5x0,42x0,62)m, ông Đợi đã nhận lại và không có đề nghị gì nên HĐXX không xem xét.

[11] Số tiền 150.000đồng bị cáo Vũ Văn T đưa cho anh Nguyễn Bá L. Khi đưa T không nói rõ nguồn gốc số tiền trên do trộm cắp được tại miếu thôn PL, anh L không biết đây là số tiền do T phạm tội mà có, ngày 18/10/2020 anh L đã trả lại cho ông Đ, nên HĐXX không đặt ra xử lý.

[12] Về án phí: Các bị cáo bị tuyên có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm o khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 BLHS; Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Vũ Văn T.

Căn cứ Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 96 BLHS; Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T **10 (Mười) tháng** tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/10/2020.

Áp dụng biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với bị cáo Nguyễn Văn H thời hạn **12 (Mười hai) tháng**. Thời hạn tính từ ngày bị cáo được đưa đi trường giáo dưỡng.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo H, người bào chữa cho bị cáo H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra- Công an huyện Gia Lộc;
- Cơ quan Thi hành án hình sự- Công an huyện Gia Lộc;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ- Công an huyện Gia Lộc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Chỉ cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa cho bị cáo H;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo H;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Giang